

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55/2022/HS-PT**

Ngày: 16-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé

Ông Nguyễn Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 60/2022/TLPT-HS ngày 18 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo Lê Văn C, Trần Thăng B do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2021/HS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

Họ và tên: **Lê Văn C**, tên gọi khác: T; sinh ngày 06 tháng 3 năm 1986 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tổ dân phố BT, thị trấn TP, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị Đ; vợ: Trịnh Thị H; con: Có 01 con, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2021 đến ngày 30/7/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: **Trần Thăng B**, tên gọi khác: C2; sinh ngày 02 tháng 8 năm 1996 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tổ dân phố TT, thị trấn TP, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính:

nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thăng H1 và bà Nguyễn Thị K; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2021 đến ngày 04/8/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02/2021, Lê Văn C và Trần Thăng B từ tỉnh Thanh Hóa đến thành phố Quảng Ngãi thuê nhà nghỉ H thuộc tổ 03, Phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi để ở và cùng góp vốn để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. C và B in card visit kèm theo số điện thoại 0812448886 để quảng cáo và phát cho những người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Ai có nhu cầu vay tiền thì liên hệ qua số điện thoại nêu trên để gặp và trao đổi trực tiếp về các thỏa thuận khi vay tiền. Khi cho vay, C và B yêu cầu người vay cung cấp chứng minh nhân dân, hộ khẩu, giấy phép đăng ký xe..., lãi suất thỏa thuận bằng miệng. Tiền góp hàng ngày thu về do B cất giữ; các giấy tờ mà C và B thu từ người vay được cất giấu ở phòng trọ. Lê Văn C và Trần Thăng B đều trực tiếp cho vay và thu gốc, lãi hàng ngày, hai người thay nhau đi thu nợ người vay khi một trong hai có việc bận.

Với thủ đoạn như trên, Trong thời gian từ tháng 02/2021 đến tháng 4/2021, Lê Văn C và Trần Thăng B đã cho khoảng 34 người vay tiền với lãi suất dao động từ 0,83% - 01%/ngày (Tương đương với 303 - 365%/năm), cao gấp từ 15,2 đến 18,2 lần lãi suất Bộ luật dân sự quy định. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã làm việc được với 19 người vay (Với 52 lượt vay) với tổng số tiền các bị cáo cho vay là 753.000.000 đồng. Trong số tiền lãi đã thu, lãi suất vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 139.425.616 đồng, lãi suất phù hợp với qui định của Bộ luật Dân sự là 8.604.384 đồng. Ngoài ra, các bị cáo còn thu của người vay tiền số tiền phí phụ thu tổng cộng là 36.850.000 đồng; cụ thể:

1. Lê Thị Bích T1 (Sinh năm: 1984; HKTT: Tổ 3, phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 02/2021 âm lịch vay 03 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 1,00%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 12.400.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 679.453 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 11.720.547 đồng. Số tiền gốc đã thu là 49.600.000 đồng. Tiền gốc mà người vay còn phải trả là 10.400.000 đồng.

2. Ngô Thị M (Sinh năm: 1982; HKTT: Thôn AK, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi) cuối tháng 02/2021, vay 02 lần với số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1,00%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.700.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 202.739 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.497.261

đồng. Số tiền gốc đã thu là 14.800.000 đồng, số tiền gốc mà người vay phải trả là 5.200.000 đồng.

3. Nguyễn Thị A (Sinh năm: 1976; HKTT: Thôn KT, xã ĐL, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 02/2021, vay 03 lần với tổng số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 205.479 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.544.521 đồng. Số tiền gốc đã thu là 15.000.000 đồng.

4. Đinh Thị A1 (Sinh năm: 1974; HKTT: Thôn AC, xã ĐL, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 02/2021, vay 03 lần với tổng số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 1,00%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.450.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 189.041 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.260.959 đồng. Số tiền gốc đã thu là 13.800.000 đồng, số tiền gốc mà người vay còn phải trả là 1.200.000 đồng.

5. Huỳnh Thị H2 (Sinh năm: 1976; nơi cư trú: Thôn KT, xã ĐL, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 02/2021, vay 03 lần với số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 7.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 410.958 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.089.042 đồng. Số tiền gốc đã thu là 30.000.000 đồng.

6. Lê Thị T2 (Sinh năm: 1972; HKTT: Tổ 2, Phường NN, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 02/2021, vay 07 lần với tổng số tiền 270.000.000 đồng, lãi suất 0,83%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 45.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 2.958.905 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 42.041.095 đồng. Số tiền gốc đã thu là 225.000.000 đồng, số tiền gốc mà người vay còn phải trả là 45.000.000 đồng.

7. Nguyễn Thị T3 (Sinh năm: 1975; HKTT: Tổ 1, phường NC, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 02/2021, vay 02 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 13.200.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 723.288 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 12.476.712 đồng. Số tiền gốc đã thu là 52.800.000 đồng, số tiền gốc mà người vay còn phải trả là 7.200.000 đồng.

8. Nguyễn Thị Thanh H3 (Sinh năm: 1985; HKTT: Tổ 01, Phường NN, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi) trong cuối tháng 03/2021, vay 02 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.400.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật quy định là 460.274 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.939.726 đồng. Số tiền gốc đã thu là 33.600.000 đồng, số tiền gốc mà người vay còn phải trả là 6.400.000 đồng.

9. Nguyễn Thị H4 (Sinh năm: 1979; HKTT: Thôn AK, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 02/2021, vay 02 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 5.000.000 đồng, số tiền lãi theo

pháp luật quy định là 273.972 đồng , trong đó số tiền lãi vượt mức quy định là 4.726.028 đồng. Số tiền gốc đã thu là 20.000.000 đồng.

10. Nguyễn Thị H5 (Sinh năm: 1981; HKTT: Thôn TT, xã BH, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 3/2021, vay 02 lần với tổng số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.840.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 155.617 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.684.383 đồng. Số tiền gốc đã thu là 11.360.000 đồng, số tiền gốc mà người vay còn phải trả là 640.000 đồng.

11. Phạm Thị Tường V (Sinh năm: 1988; HKTT: Xóm 2, thôn TN, xã TAT, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 02/2021 âm lịch, vay 03 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 13.800.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 756.165 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 13.043.835 đồng. Số tiền gốc đã thu là 55.200.000 đồng, số tiền gốc người vay còn phải trả là 4.800.000 đồng.

12. Tôn Thất T4 (Sinh năm: 1979; HKTT: Tổ 10, Phường TP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 02/2021, vay 03 lần với tổng số tiền 15.000.000đ, lãi suất 1%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 205.479 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.544.521 đồng, số tiền gốc đã trả là 15.000.000 đồng.

13. Lê Thị H6 (Sinh năm: 1995; HKTT: Thôn CL, xã NP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 02/2021, vay 06 lần với số tiền 45.000.000đ, lãi suất 1%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 9.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 493.150 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 8.506.850 đồng. Số tiền gốc đã thu là 36.000.000 đồng, số tiền gốc người vay còn phải trả là 9.000.000 đồng.

14. Nguyễn Thị C3 (Sinh năm: 1991; HKTT: Thôn AK, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 3/2021, vay 02 lần với số tiền 12.000.000đ, lãi suất 1%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.680.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 92.055 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.587.945 đồng. Số tiền gốc đã trả là 6.720.000 đồng, số tiền gốc mà người vay còn phải trả là 5.280.000 đồng.

15. Nguyễn Văn T5 (Sinh năm: 1982; HKTT: Tổ dân phố QT, Phường TQT, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 3/2021, vay 02 lần với số tiền 40.000.000 đồng lãi suất 1%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 7.400.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 405.480 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 6.994.520 đồng. Số tiền gốc đã thu là 29.600.000 đồng, số tiền gốc mà người vay còn phải trả là 10.400.000 đồng.

16. Nguyễn Thị Ngọc N (Sinh năm: 1995; HKTT: Tổ 05, phường NC, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 4/2021, vay 01 lần với tổng số tiền

5.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 54.795 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 945.205 đồng. Số tiền gốc đã thu là 4.000.000 đồng, số tiền gốc mà người vay còn phải trả là 1.000.000 đồng.

17. Phạm Thị H7 (Sinh năm: 1985; HKTT: Thôn AK, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 02/2021 âm lịch, vay 02 lần với số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.980.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 108.493 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.871.507 đồng. Số tiền gốc đã thu là 7.920.000 đồng, số tiền gốc mà người vay còn phải trả là 4.080.000 đồng.

18. Trần Thị L (Sinh năm: 1978; HKTT: Thôn AV, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 02/2021 âm lịch, vay 02 lần với tổng số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.680.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 92.055 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.587.945 đồng. Số tiền gốc đã thu là 6.720.000 đồng, số tiền gốc mà người vay còn phải trả là 5.280.000 đồng.

19. Nguyễn Thị K (Sinh năm: 1987; HKTT: Thôn AC, xã ĐL, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi) trong tháng 3/2021, vay 02 lần với số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 136.986 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.363.014 đồng. Số tiền gốc đã thu là 10.000.000 đồng.

Đối với những người vay còn lại có tên và số điện thoại trong danh bạ điện thoại của Lê Văn C và Trần Thăng B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã tiến hành liên hệ, xác minh nhưng không liên lạc được và không xác định được địa chỉ của người vay nên Cơ quan điều tra không làm việc được. Cơ quan điều tra đã gửi công văn đến các Công ty viễn thông để xác định các chủ thuê bao các số điện thoại của người vay nhưng chưa có công văn trả lời nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ từ Lê Văn C gồm:

01 (Một) điện thoại di động Iphone màu vàng, đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại di động Iphone màu xám đen, đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu vàng, đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia bàn phím, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân số 212373526 mang tên Đinh Thị A1; tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng); 01 (Một) căn cước công dân số 038086001542 mang tên Lê Văn C; 01 (Một) thẻ Ngân hàng Vietcombank và 01 (Một) thẻ ngân hàng Sacombank mang tên Lê Văn C; 01 tờ giấy A4 màu trắng có ghi dòng chữ “chị T3 có mượn 60 triệu đồng 10 ngày trả lãi hằng tháng 212081173 có chữ ký của bà Nguyễn Thị T3”; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số:

002423 mang tên Lê Văn Hiền, địa chỉ: Tân Sơn, Đại Lãnh, Đại Lộc, Quảng Nam; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Thị Quỳnh Chi; 01 (Một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Quốc Dũng; 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Lang.

Tạm giữ từ Trần Thăng B gồm:

01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân số 212374052 mang tên Lê Thị H6; 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân số 212164083 mang tên Vương Thị Phương Trang; 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân số 212081173 mang tên Nguyễn Thị T3; 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân số 212572005 mang tên Nguyễn Thị Ngọc N; 01 (Một) Xe mô tô BKS: 92E1: 06566 nhãn hiệu YAMAHA, loại sirius, màu đỏ đen đã qua sử dụng; 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, đã qua sử dụng; 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, đã qua sử dụng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2021/HS-ST ngày 29/10/2021, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn C và Trần Thăng B phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lê Văn C 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2021 đến ngày 30/7/2021.

- Xử phạt bị cáo Trần Thăng B 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2021 đến ngày 04/8/2021.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Lê Văn C phải nộp số tiền 341.287.192 đồng (Ba trăm bốn mươi một triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm chín mươi hai đồng) và bị cáo Trần Thăng B phải nộp số tiền 341.287.192 đồng (Ba trăm bốn mươi một triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm chín mươi hai đồng) vào Ngân sách nhà nước.

Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Văn C và Trần Thăng B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.485.640 (ba triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về áp dụng biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/11/2021, bị cáo Lê Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có Quyết định kháng nghị số 2186/QĐ-VKS, kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số

89/2021/HS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Đề nghị sửa phần biện pháp tư pháp đối với khoản tiền tịch thu sung ngân sách nhà nước mà các bị cáo dùng để cho vay và không buộc các bị cáo chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Bị cáo Lê Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tình tiết đã nộp thêm số tiền 20.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp, không nặng.

- Việc áp dụng biện pháp tư pháp đối với khoản tiền mà các bị cáo dùng để cho vay: Quá trình giải quyết vụ án thể hiện, khi thực hiện hành vi cho vay lãi nặng giữa bị cáo Lê Văn C và Trần Thăng B thỏa thuận cùng góp vốn theo tỷ lệ 3/1, theo đó Lê Văn C góp 150.000.000 đồng, Trần Thăng B góp 50.000.000 đồng. Số tiền 200.000.000 đồng của hai bị cáo nói trên là phương tiện phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự cần tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Như vậy, ngoài số tiền gốc 200.000.000 đồng ban đầu các bị cáo góp thì số tiền gốc còn lại 482.574.384 đồng (682.574.384 đồng - 200.000.000 đồng) có được từ việc cho vay cũng cần tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, không xác định được cụ thể số tiền từng người đã thụ hưởng là bao nhiêu nhưng cả hai bị cáo đều thừa nhận tổng số tiền gốc mà các bị cáo đã thu hồi được cũng như khoản tiền phụ thu và tiền lãi thu được từ việc cho vay các bị cáo đã sử dụng chung cho việc sinh hoạt hàng ngày và tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn tiền thu được này để tiếp tục cho vay, cả hai bị cáo chưa có sự phân chia các khoản tiền nói trên. Do đó có căn cứ xác định cần tuyên buộc mỗi bị cáo phải nộp $\frac{1}{2}$ là 241.287.192 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định nghĩa vụ nộp lại khoản tiền gốc đã cho vay của các bị cáo bằng nhau để từ đó quyết định buộc bị cáo Lê Văn C, Trần Thăng B mỗi bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 341.287.192 đồng là chưa phù hợp nên cần phải sửa phần biện pháp tư pháp, theo hướng buộc bị cáo Lê Văn C nộp lại số tiền 391.287.192 đồng (150.000.000 đồng tiền gốc ban đầu đã góp + 241.287.192 đồng tiền gốc có được từ việc cho vay) để sung ngân sách Nhà nước và buộc bị cáo Trần Thăng B nộp lại số tiền 291.287.192 đồng (50.000.000 đồng

tiền gốc ban đầu đã góp + 241.287.192 đồng tiền gốc có được từ việc cho vay) để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với phần án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về biện pháp tư pháp là buộc các bị cáo phải hoàn trả cho người vay khoản tiền lãi trên mức quy định của Bộ luật dân sự (Trên 20%/năm) là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự “Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi”. Vì đây là biện pháp tư pháp mà pháp luật quy định áp dụng đối với người phạm tội chứ không phải là tranh chấp phần dân sự trong vụ án hình sự nên không phát sinh vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, do đó không thể buộc các bị cáo Lê Văn C, Trần Thăng B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp này. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 để tuyên buộc mỗi bị cáo phải chịu 3.485.640 đồng án phí dân sự sơ thẩm là áp dụng không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bị cáo nên cần phải sửa phần áp dụng pháp luật theo hướng không buộc các bị cáo phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356; điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn C. Chấp nhận kháng nghị số 2186/QĐ-VKS ngày 25/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 89/2021/HS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo hướng: Sửa phần biện pháp tư pháp đối với khoản tiền các bị cáo Lê Văn C, Trần Thăng B dùng để cho vay, cụ thể buộc bị cáo Lê Văn C nộp số tiền 391.287.192 đồng, bị cáo Trần Thăng B nộp số tiền 291.287.192 đồng để sung ngân sách Nhà nước; không buộc các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thăng B vắng mặt. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị cáo lần thứ 2, việc vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo Trần Thăng B.

[2] Xét hành vi của các bị cáo Lê Văn C, Trần Thăng B:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2021 đến tháng 4/2021, các bị cáo Lê Văn C, Trần Thăng B cùng nhau góp tiền vào để cho khoảng 34 người vay tiền với lãi suất dao động từ 0,83% - 01%/ngày (Tương đương với 303% - 365%/năm).

Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì lãi suất vay do các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Như vậy, các bị cáo Lê Văn C, Trần Thăng B đã cho vay với lãi suất gấp từ 15,2 đến 18,2 lần lãi suất do Bộ luật dân sự năm 2015 quy định. Cơ quan điều tra đã làm việc được với 19 người vay tiền của các bị cáo (52 lượt vay) với tổng số tiền các bị cáo cho vay là 753.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi các bị cáo đã thu của người vay là 148.030.000 đồng; trong đó, số tiền lãi bằng 20%/năm là 8.604.384 đồng, số tiền lãi vượt quá 20%/năm là 139.425.616 đồng. Ngoài ra, các bị cáo còn phụ thu của người vay số tiền là 36.850.000 đồng

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Văn C, Trần Thăng B về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn C: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình có công cách mạng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có tình tiết mới, đã nộp thêm số tiền 20.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

[4.1] Để thực hiện việc cho vay lãi nặng, bị cáo Lê Văn C góp số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo Trần Thăng B góp số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền 200.000.000 đồng này là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước, vì vậy mỗi bị cáo bị tịch thu số tiền tương ứng với số tiền của mình góp vào.

Trong quá trình cho vay lãi nặng, tiền lãi và phí phụ thu các bị cáo thu được của người vay đều được các bị cáo sử dụng để tiếp tục cho vay lại, chưa phân chia cụ thể mỗi bị cáo được hưởng bao nhiêu tiền. Vì vậy, mỗi bị cáo phải có trách nhiệm nộp lại $\frac{1}{2}$ số tiền phát sinh này vào ngân sách nhà nước. Cụ thể như sau:

- Tổng số tiền gồm tiền gốc các bị cáo đã thu hồi được từ người vay là 637.120.000 đồng + tiền lãi pháp luật cho phép các bị cáo đã thu của người vay là 8.604.384 đồng + phí phụ thu là 36.850.000 đồng = 682.574.384 đồng.

- Số tiền phát sinh từ việc cho vay là: 682.574.384 đồng – 200.000.000 đồng = 482.574.384 đồng, tương ứng số tiền của mỗi bị cáo là 241.287.192 đồng.

Như vậy, cần buộc bị cáo Lê Văn C nộp lại số tiền: 391.287.192 đồng (Gồm 150.000.000 đồng + 241.287.192 đồng), bị cáo Trần Thăng B nộp lại số tiền 291.287.192 đồng (Gồm 50.000.000 đồng + 241.287.192 đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

[4.2] Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi vượt mức quy định mà các bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho người vay là không chính xác. Vì đây là biện pháp tư pháp các bị cáo phải chịu, chứ không phải tranh chấp dân sự trong vụ án hình sự. Do đó, các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp này.

[4.3] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[6] Bị cáo Lê Văn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a, c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn C; chấp nhận kháng nghị số 2186/QĐ-VKS ngày 25/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 89/2021/HS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn C 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2021 đến ngày 30/7/2021.

2. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Lê Văn C phải nộp số tiền 391.287.192 đồng (Ba trăm chín mươi một triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn một trăm chín mươi hai đồng) và bị cáo Trần Thăng B phải nộp số tiền 291.287.192 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn một trăm chín mươi hai đồng) vào Ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) bị cáo Lê Văn C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi vào ngày 04/5/2022 theo Biên lai thu tiền số 0000477 để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí:

- Các bị cáo Lê Văn C, Trần Thăng B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
 - Các bị cáo Lê Văn C, Trần Thăng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
 - Bị cáo Lê Văn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an thành phố Quảng Ngãi (02 bản);
- TAND thành phố Quảng Ngãi (02 bản);
- VKSND, THADS thành phố Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ Giang